

V. PHẨM DHAMMIKA (DHAMMIKAVAGGA)

I. KINH CON VOI (*Nāgasutta*)⁵² (A. III. 344)

43. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Sāvatthi, ăn xong, trên con đường trở về, Ngài gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migāra để nghỉ trưa.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migāra. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pubbakoṭṭhakā để rửa tay, rửa chân.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Pubbakoṭṭhakā để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbakoṭṭhakā xong, Thế Tôn lên đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô.

Lúc bấy giờ, Seta, con voi của Vua Pasenadi nước Kosala, từ Pubbakoṭṭhakā đi ra, với nhiều tiếng các loại trống và nhạc lớn tiếng, dân chúng thấy vậy liền nói: “Ôi đẹp để thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Đáng nhìn thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Thoải mái thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Thân thể đầy đủ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!”

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Udāyī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ, thân thể đầy đà nên nói như sau: “Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!” Hay là thấy một cái gì khác to lớn, đồ sộ, thân thể đầy đà nên họ nói như vậy: “Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!”

– Này Udāyī, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ, thân thể đầy đà nên nói như sau: “Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!”

⁵² Tham chiếu: *Long tượng kinh* 龍象經 (T.02. 0026.118. 0608b02).

Này Udāyī, quần chúng do thấy con ngựa... Này Udāyī, quần chúng do thấy con bò... Này Udāyī, quần chúng do thấy con rắn... Này Udāyī, quần chúng do thấy cây... Này Udāyī, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ, với thân thể đầy đà nên nói như sau: “Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!” Nhưng Ta tuyên bố rằng, này Udāyī, trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, và thế giới này với các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời, về ý nghĩ, người ấy, Ta nói rằng: “Người ấy là con voi.”

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã khéo nói như sau: “Này Udāyī, trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, và thế giới này với các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời, về ý, người ấy, Thế Tôn nói rằng: ‘Người ấy là con voi.’”

Bạch Thế Tôn, lời nói tốt đẹp này của Thế Tôn, con xin tùy hỷ với những câu kệ như sau:

Là con người tự giác,
Tự nhiếp phục, được định,
Đang đi đường Phạm thiên,
Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
Cùng tận tất cả pháp.
Vị ấy, loài người kính,
Vị ấy, chư thiên trọng,
Vị ấy, con được nghe,
Là bậc A-la-hán.
Mọi kiết sử vượt qua,
Thoát rừng, đến Niết-bàn,
Hoan hỷ sống an ổn,
Rời khỏi các dục vọng,
Như vàng thoát đá sỏi.
Voi ấy rực chói sáng,
Chiếu sáng khắp tất cả,
Như ngọn núi Tuyết Sơn,
Cao hơn mọi núi đá,
Vị đạt chân, vô thượng,
Vượt tất cả loài voi.
Ta sẽ khen vị voi,
Không làm các tội phạm.
Nhu hòa và bất hại,
Là hai bàn chân trước.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là hai bàn chân sau.

Lòng tin là vôi vôi,
 Trú xả đôi ngà trắng,
 Niệm là cổ của vôi.
 Nếu có suy tư gì,
 Là suy tư Chánh pháp.
 Bụng là chỗ chứa pháp,⁵³
 Đuôi là sông viễn ly.
 Vị ấy tu thiền định,
 Hoan hỷ trong hơi thở,
 Với nội tâm định tĩnh,
 Khéo định tâm thiền định.
 Voi đi là hành thiền,
 Voi đứng là hành thiền,
 Voi nằm là hành thiền,
 Voi ngồi là hành thiền.
 Voi hộ trì tất cả,
 Đây viên mãn của voi.
 Voi ăn, không phạm lỗi,
 Có phạm lỗi không ăn,
 Nhận được cơm và áo,
 Quyết từ bỏ chất chứa,
 Các kiết sử lớn nhỏ,
 Cắt đứt mọi trói buộc.
 Chỗ nào vị ấy đi,
 Vị ấy đi không cầu,
 Giống như bông hoa sen,
 Sanh và lớn trong nước,
 Không bị nước uế nhiễm,
 Hương thơm đẹp ý người.⁵⁴
 Cũng vậy là đức Phật,
 Khéo sanh, vượt khỏi đời,
 Không bị đời uế nhiễm,
 Như sen không dính nước,
 Như lửa lớn cháy đỏ,
 Không nhiên liệu, tự tắt.
 Ai lắng dịu các hành,
 Được gọi bậc Tịch tịnh,
 Ví dụ này nhiều nghĩa.⁵⁵

⁵³ *Samātapo*. Chú giải viết *samāvāpo*. M. I. 451 viết *samāvātapako*, có nghĩa phòng chứa đựng. *Thag.* viết *samāsavo*.

⁵⁴ Xem A. II. 39; Sn. 101. Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27).

⁵⁵ Xem D. I. 114; M. II. 260.

Do bậc Trí thuyết giảng,
Bậc voi lớn được biết,
Lấy voi dạy cho voi.
Bậc ly tham, ly sân,
Ly si, không lậu hoặc,
Voi này từ bỏ thân,
Nhập diệt, không lậu hoặc.

II. KINH MIGASĀLĀ (*Migasālāsutta*)⁵⁶ (A. III. 347)

44. Rồi Tôn giả Ānanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasālā; sau khi đến, ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Migasālā thưa với Tôn giả Ānanda:

– Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: “Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai”? Purāṇa, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita (Đâu-suất).” Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita.” Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: “Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai”?

– Nay chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda sau khi nhận đồ ăn khát thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasālā, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tôn giả Ānanda, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasālā; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Nữ cư sĩ Migasālā đi đến con; sau khi đến, đánh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasālā thưa với con:

“Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: ‘Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai’? Purāṇa, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: ‘Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita.’ Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: ‘Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita.’ Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do

⁵⁶ Xem A. V. 137ff.

Thế Tôn tuyên thuyết: ‘Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai’?

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con nói với nữ cư sĩ Migasālā: ‘Này chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.’”

– Nhưng này Ānanda, ai là nữ cư sĩ Migasālā lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các hạng người? Này Ānanda, có sáu hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này Ānanda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị ấy nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập vào tri kiến, không chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi về thù thắng.

Ở đây, này Ānanda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị ấy nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập vào tri kiến, có chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi về thối đọa.

Ở đây, này Ānanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: “Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người hạ liệt, có người là thắng diệu?” Và do sự đo lường ấy, này Ānanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài. Ở đây, này Ānanda, hạng người này, khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ānanda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ānanda, tự đào hồ cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người, hay là người như Ta.

Ở đây, này Ānanda có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi về thù thắng.

Ở đây, này Ānanda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, có chứng được thời

giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này, sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

Ở đây, này Ānanda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, này Ānanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: “Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người là hạ liệt, có người là thắng diệu?” Và sự đo lường ấy, này Ānanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài. Ở đây, này Ānanda, hạng người này khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ānanda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ānanda, tự đào hơ cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người này, hay là người như Ta.

Và này Ānanda, ai là nữ cư sĩ Migasālā lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể biết sự thắng liệt giữa các người?

Này Ānanda, có sáu hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Giới như thế nào, này Ānanda, Purāṇa được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu; do vậy ở đây, Purāṇa có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta. Tuệ như thế nào, này Ānanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Purāṇa chưa thành tựu; do vậy, ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Purāṇa. Như vậy, này Ānanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần.

III. KINH MẮC NỢ (*Ṭṇasutta*)⁵⁷ (A. III. 351)

45. – Sự nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

⁵⁷ Bản tiếng Anh của PTS: *The Debt*, nghĩa là *Mắc nợ*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (T.01. 0125.125. 0614a13).

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ; mắc nợ ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời; tiền lời ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đến, không trả được tiền lời, người ta hối thúc, đốc thúc người ấy; sự hối thúc, đốc thúc ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy; bị theo sát gót, bị truy tìm, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót, bị truy tìm, không trả nợ được, người ta bắt trói người ấy; sự bắt trói, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy, nghèo khổ là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; mắc nợ cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; tiền lời cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị hối thúc, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị theo sát gót, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị bắt trói cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh.

Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý nghĩ. Ta gọi người ấy là người mắc nợ.

Người ấy do nhân che giấu ác hạnh về thân, khởi lên ác dục, muốn rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, suy nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, nói rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm.” Người ấy, do nhân che giấu ác hạnh về lời... ác hạnh về ý, khởi lên ác dục, muốn rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, suy nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, nói rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm”, cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: “Mong rằng không ai biết ta làm.” Đây, Ta gọi là tiền lời gia tăng.

Và các vị đồng Phạm hạnh thuần thành nói về người ấy như sau: “Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vậy.” Đây, Ta nói rằng, người ấy bị hối thúc, đốc thúc, rồi đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống.

Các ác, bất thiện tâm, câu hữu với hối lỗi hiện hành. Đây, Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm.

Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý, khi thân hoại mệnh chung, bị trói buộc trong sự trói buộc của địa ngục, bị trói buộc trong sự trói buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một sự trói buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy, lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo, giống như sự trói buộc địa ngục hay sự trói buộc các loài bàng sanh.

Nghèo khổ và mắc nợ,
Được gọi khổ ở đời.
Kẻ bần cùng mắc nợ,
Thọ dụng bị tổn hại.
Rồi bị người truy lùng,
Cho đến bị trói buộc,
Trói buộc vậy là khổ,
Cho người cầu được dục.
Như vậy trong Luật Thánh,
Ai sống không lòng tin,
Không xấu hổ, sợ hãi,
Quyết định chọn ác nghiệp,
Sau khi làm ác hạnh,
Về thân, lời và ý,
Lại mong muốn được rằng:
“Chớ ai biết ta làm.”
Người ấy khéo che giấu,⁵⁸
Với thân, lời và ý,

⁵⁸ *Saṃsappati. AA. III. 377: Samsappatīti paripphandati* (“Khéo che giấu” nghĩa là có ý lo sợ, trốn tránh che giấu).

Làm tăng trưởng ác nghiệp,
 Tại đây đó làm nữa.
 Người ác tuệ, ác nghiệp,
 Biết việc ác mình làm,
 Như kẻ nghèo mắc nợ,
 Thọ dụng bị tổn hại.
 Những tư tưởng khổ đau,
 Sanh ra từ hồi hận,
 Vẫn truy tìm người ấy,
 Ở làng hoặc ở rừng.
 Người ác nghiệp, ác tuệ,
 Biết việc ác mình làm,
 Hoặc rơi vào bàng sanh,
 Hoặc bị trói địa ngục.
 Trói buộc này là khổ,
 Bậc trí được giải thoát,
 Ai tâm tịnh bố thí,
 Với vật dụng đúng pháp,
 Gieo cầu may hai đường.⁵⁹
 Tín tại gia tìm cầu,
 Hiện tại được hạnh phúc,
 Đời sau được an lạc.
 Như vậy tại gia thí,
 Tăng trưởng các công đức.
 Như vậy trong luật Thánh,
 Tín tâm được an trú,
 Có xấu hổ, sợ hãi,
 Có trí bảo hộ giới,
 Bậc ấy trong luật Thánh,
 Được gọi: “Sống an lạc.”
 Được lạc không vật chất,
 An trú trên tánh xả.⁶⁰
 Từ bỏ năm triền cái,
 Thường siêng năng, tinh cần,
 Chứng thiền định, nhất tâm,
 Thận trọng giữ chánh niệm.
 Biết như thật là vậy,
 Đoạn diệt mọi kiết sử,

⁵⁹ *Ubhayattha kaṭaggāha*. Xem S. IV. 352; *Thag.* v. 462.

⁶⁰ *Chú giải*: Nói đến Thiền thứ ba và thứ tư.

Hoàn toàn không chấp thủ,
Chơn chánh tâm giải thoát,
Với chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
“Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sử.”
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sâu, không trần cấu,
Được an ổn, (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.

IV. KINH MAHĀCUNDA (*Mahācundasutta*) (A. III. 355)

46. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahācunda trú ở Ceti, tại Sahajāti. Tại đây, Tôn giả Mahācunda gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahācunda. Tôn giả Mahācunda nói như sau:

– Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ-kheo tu thiền, nói như sau: “Các người này nói: ‘Chúng tôi tu thiền, chúng tôi tu thiền.’ Họ tu thiền, họ hành thiền. Những người này thiền cái gì? Những người này thiền có lợi ích gì? Những người này thiền như thế nào?” Ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo tu thiền không ưa thích các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, nói như sau: “Các người này nói: ‘Chúng tôi chuyên tâm về pháp, chúng tôi chuyên tâm về pháp.’ Họ tháo động, kiêu căng, dao động, lăm môm lăm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Những người này chuyên tâm về pháp cái gì? Những người này chuyên tâm về pháp có lợi ích gì? Những người này chuyên tâm về pháp như thế nào?” Ở đây, các Tỷ-kheo tu thiền không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tu về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Nhưng ở đây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp chỉ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, không tán thán các Tỷ-kheo tu thiền. Ở

đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Nhưng ở đây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo tu thiền chỉ tán thán các Tỷ-kheo tu thiền, không tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp. Ở đây, các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau: “Chúng ta là những người chuyên tâm về pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo tu thiền.”

Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, những người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người cảm giác bất tử giới với thân và an trú.

Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau: “Chúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp.”

Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, những người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích.

V. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ NHẤT

(*Paṭhamasandiṭṭhikasutta*) (A. III. 356)

47. Rồi du sĩ ngoại đạo Moliyasīvaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Moliyasīvaka bạch Thế Tôn:

– Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

– Vậy này Sīvaka, ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có tham, ông có biết: “Nội tâm ta có tham”; nội tâm không có tham, ông có biết: “Nội tâm ta không có tham” không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sīvaka, nội tâm có tham, ông có biết: “Nội tâm ta có tham”; nội tâm không có tham, ông có biết: “Nội tâm ta không có tham.” Như vậy, này Sīvaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có sân... Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có si, ông có biết: “Nội tâm ta có si”; nội tâm không si, ông có biết: “Nội tâm ta không si” không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Nay Sīvaka, nội tâm có si, ông có biết: “Nội tâm ta có si”; nội tâm không có si, ông có biết: “Nội tâm ta không si.” Như vậy, này Sīvaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có tham pháp⁶¹... hay nội tâm có sân pháp... hay nội tâm có si pháp, ông có biết: “Nội tâm ta có si pháp” không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: “Nội tâm ta không có si pháp” không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Nay Sīvaka, nội tâm có si pháp, ông có biết: “Nội tâm ta có si pháp”; hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: “Nội tâm ta không có si pháp.” Như vậy, này Sīvaka, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ HAI (*Dutiyasandiṭṭhikasutta*) (A. III. 357)

48. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu?

– Vậy này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, nội tâm có tham ái, ông có biết: “Nội tâm ta có tham ái”; nội tâm không có tham ái, ông có biết: “Nội tâm ta không có tham ái” không?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Nay Bà-la-môn, nội tâm có tham ái, ông có biết: “Nội tâm ta có tham ái”; nội tâm không có tham ái, ông có biết: “Nội tâm ta không có tham ái.” Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn? Nội tâm có sân... hay nội tâm có si... hay nội tâm có thân uế... hay nội tâm có khẩu uế... hay nội tâm có ý uế, ông có biết: “Nội tâm ta có ý uế”? Hay nội tâm không có ý uế, ông có biết: “Nội tâm ta không có ý uế”?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Nay Bà-la-môn, nội tâm có ý uế, ông có biết: “Nội tâm ta có ý uế”; nội

⁶¹ *Lobhadhamma*: Tham pháp. Đây có nghĩa là có khả năng bị tham chi phối.

tâm không có ý uế, ông có biết: “Nội tâm ta không có ý uế.” Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH KHEMA (*Khemasutta*) (A. III. 358)

49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Khema, Tôn giả Sumana trú ở Sāvatti, tại rừng Andha. Rồi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Khema bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: “Có người tốt hơn ta”, hay: “Có người giống như ta”, hay: “Có người hạ liệt hơn ta.”

Tôn giả Khema nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Khema nghĩ rằng: “Thế Tôn đã chấp nhận ta.” Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tôn giả Sumana, khi Tôn giả Khema ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: “Có người tốt hơn ta”, hay: “Có người giống như ta”, hay: “Có người hạ liệt hơn ta.”

Tôn giả Sumana nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Sumana nghĩ rằng: “Thế Tôn đã chấp nhận ta.” Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana ra đi không bao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, các thiện nam tử nói lên chánh trí, có nói đến mục đích, nhưng không đề cập đến tự ngã.⁶² Tuy vậy, ở đây, một số kẻ ngu nói lên chánh trí một cách ngạo mạn đắc chí (*hasamānakā*). Họ về sau rơi vào nguy hại.⁶³

Không thắng, không hạ liệt,
Không ai đồng đẳng ta,⁶⁴

⁶² *Attho ca vutto attā ca amupanīto*. Xem trang 201 trong bộ *Kinh Tăng chi* này.

⁶³ *Vighātaṃ āpajjantīti*.

⁶⁴ Xem *Sn*, 184.

Những tư tưởng như vậy,
 Không chi phối các vị.
 Sanh khởi đã chấm dứt,
 Phạm hạnh được viên thành,
 Họ lìa bỏ kiết sử,
 Hoàn toàn được giải thoát.

VIII. KINH PHÒNG HỘ CÁC CĂN (*Indriyasamvarasutta*)⁶⁵ (A. III. 360)

50. Với căn không phòng hộ,⁶⁶ này các Tỷ-kheo, với ai khiếm khuyết phòng hộ các căn, giới đi đến hủy hoại.⁶⁷ Với giới không có, với ai khiếm khuyết về giới,⁶⁸ chánh định đi đến hủy hoại. Với chánh định không có, với ai khiếm khuyết chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy hoại. Với tri kiến như thật không có, với ai khiếm khuyết tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến hủy hoại. Với nhàm chán, ly tham không có, với ai khiếm khuyết nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá khiếm khuyết, thời các chồi non không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn không phòng hộ, với người khiếm khuyết phòng hộ các căn, giới đi đến hủy hoại... giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.

Với các căn được phòng hộ, này các Tỷ-kheo, với người đầy đủ các căn được phòng hộ, giới đi đến đầy đủ. Với giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Với chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Với tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến đầy đủ. Với nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá đầy đủ, thời chồi non đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn được phòng hộ, với người đầy đủ phòng hộ các căn, giới đi đến đầy đủ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

IX. KINH TÔN GIẢ ĀNANDA (*Ānandasutta*) (A. III. 361)

51. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào

⁶⁵ Bản tiếng Anh của PTS: *The Senses*, nghĩa là *Các căn*. Tham chiếu: *Niệm kinh* 念經 (T.01. 0026.44. 0485c22); *Tàm quý kinh* 慚愧經 (T.01. 0026.45-46. 0486a05-21); *Giới kinh* 戒經 (T.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (T.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tap. 雜* (T.02. 0099.495. 0129a09).

⁶⁶ Xem A. III. 312.

⁶⁷ *Hatūpanisaṃ. AA*, III. 381: *Hatūpanisaṃ hotīti hatūpanissayaṃ hoti* (“Đi đến hủy hoại” nghĩa là do có nguyên nhân khiến hủy hoại).

⁶⁸ *Vipanna*, từ ngữ căn *√pad*, nghĩa là rơi xuống.

đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe pháp trước kia chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rồi loạn;⁶⁹ còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết?

– Tôn giả Ānanda là vị nghe nhiều, Tôn giả hãy nói lên!⁷⁰

– Vậy thưa Hiền giả Sāriputta, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Ở đây, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo học thông suốt pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Vị ấy thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy khiến cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy tụng đọc pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều được trao truyền các tập A-hàm (*Āgama*), bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đi đến các Tôn giả ấy; sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: “Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?” Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các Tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rồi loạn; còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết.

– Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khéo nói cho đến như vậy, chính là điều đã được Tôn giả Ānanda nói lên. Và chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Ānanda đã được thành tựu sáu pháp:

Tôn giả Ānanda học thông suốt pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. Tôn giả Ānanda thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ānanda khiến cho các người khác nói lên pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ānanda tụng đọc pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt. Tôn giả Ānanda với tâm tùy tầm,

⁶⁹ *Na sammosaṃ gacchanti.*

⁷⁰ *Paṭibhātu āyasmataṃyena ānanda.*

tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Tôn giả Ānanda, tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều được trao truyền các tập *Āgama*, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, tại các chỗ ấy, Tôn giả Ānanda an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các vị ấy, sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: “Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?” Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ.

X. KINH VỊ SÁT-ĐẾ-LY (*Khattiyasutta*)⁷¹ (A. III. 362)

52. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Đối với Sát-đế-ly, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh⁷² cái gì?

– Đối với Sát-đế-ly, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, sức mạnh là điểm tựa, xu hướng là trái đất, cứu cánh là tự tại.

– Nhưng đối với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, chú thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới.

– Nhưng đối với gia chủ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với gia chủ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh.

– Nhưng đối với nữ nhân, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành tận cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với nữ nhân, này Bà-la-môn, đàn ông là mong muốn, trang điểm là cận hành, điểm tựa là con cái, không có địch thủ (*asapati*) là xu hướng, tự tại là cứu cánh.

– Nhưng đối với người ăn trộm, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với người ăn trộm, này Bà-la-môn, đồ lấy được là mong muốn, rừng rậm là cận hành, đao trượng là điểm tựa, tối tăm là xu hướng, không bị thấy là cứu cánh.

⁷¹ Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.37.8. 0714b13); *Hà dục kinh 何欲經* (T.02. 0026.149. 0660c01).

⁷² *Adhippāyā, upavicārā, adhiṭṭhānā, abhinivesā, pariyosānā*: Mong muốn, cận hành (tư niệm), điểm tựa, xu hướng, cứu cánh.

– Nhưng đối với Sa-môn, thừa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn, nhẫn nhục, nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh.

– Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thừa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-ly. Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn... của các gia chủ... của các nữ nhân... của các người ăn trộm... của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung con xin trọn đời quy ngưỡng.

XI. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (*Appamādasutta*)⁷³ (A. III. 364)

53. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Có một pháp nào, thừa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm (*samadhiggayha*) và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai?

– Có một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai.

– Một pháp ấy là gì, thừa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai?

– Không phóng dật, này Bà-la-môn là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, phàm có những dấu chân của các loài bộ hành nào, tất cả dấu chân ấy đều được thấm nhiếp (*samodhānam*) trong dấu chân voi; dấu chân voi được gọi là tối thắng trong các dấu chân ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như này Bà-la-môn, trong một ngôi nhà có nóc nhọn,⁷⁴ tất cả rui kèo đều hướng về nóc nhọn, thiên về nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, nóc nhọn được gọi là tối thắng trong các vật ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật... Ví như, này Bà-la-môn, người cắt cỏ, trong khi cắt cỏ, sau khi túm lấy đầu các ngọn cỏ, liền lùa cỏ qua lại, giữ cỏ lên xuống và đập cỏ; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật... Ví như, này Bà-la-môn, nhánh cây có chùm xoài⁷⁵ bị chặt đứt, tất cả

⁷³ Tham chiếu: *Giáo Đàm-di kinh* 教曇彌經 (T.01. 0026.130. 0618b18).

⁷⁴ Xem A. III. 9; V. 21; S. III. 156; V. 43.

⁷⁵ Xem D. I. 46; S. III. 156; *Vism.* 356.

trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia; cũng vậy, này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, phạm có các tiểu vương nào,⁷⁶ tất cả đều tùy thuộc Vua Chuyển Luân; Vua Chuyển Luân được gọi là tối thắng trong các vị vua ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, ánh sáng của các vì sao,⁷⁷ tất cả ánh sáng các ngôi sao không bằng giá trị một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng; ánh sáng của mặt trăng được gọi là tối thắng trong tất cả ánh sáng; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Đây là một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XII. KINH DHAMMIKA (*Dhammikasutta*)⁷⁸ (A. III. 366)

54. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thú).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Dhammika trú tại chỗ sanh trưởng của mình và có tất cả bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng ấy. Tại đây, Tôn giả Dhammika đối với các khách Tỷ-kheo, mắng nhiếc (*akkosati*), quở trách (*paribhāsati*), não hại (*vihiṃsati*), châm biếm (*vitudati*), khiến họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận với những lời nói, liền bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: “Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?”

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: “Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi chỗ khác.”

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, thưa với Tôn giả Dhammika: “Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này, Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi.”

⁷⁶ Xem A. V. 22; M. III. 173; S. V. 44.

⁷⁷ Xem A. IV. 151; It. 19; J. V. 63.

⁷⁸ Tham chiếu: *A-lan-na kinh* 阿蘭那經 (T.01. 0026.160. 0682b10).

Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một trú xứ khác. Tại đây, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, liền bỏ đi, không an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: “Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?”

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: “Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi đến chỗ khác.”

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, thưa với Tôn giả Dhammika: “Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này, Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi.”

Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một xứ khác. Tại đây, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, liền bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: “Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?”

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: “Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng.” Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, nói với Tôn giả Dhammika: “Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng.”

Rồi Tôn giả Dhammika suy nghĩ: “Ta đã bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng. Nay ta sẽ đi đến chỗ nào? Ta hãy đi đến Thế Tôn.” Rồi Tôn giả Dhammika cầm y bát ra đi, hướng đến Rājagaha, dần dần đi đến Gijjhakūṭa tại Rājagaha; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Dhammika đang ngồi một bên:

– Nay Bà-la-môn Dhammika, ông đi từ đâu đến?

– Bạch Thế Tôn, con bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng.

– Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn Dhammika. Sự việc này, đối với ông có hề hấn gì. Dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, ông đã đi đến gần Ta.

Trong quá khứ, này Bà-la-môn Dhammika, các nhà buôn đường biển đem theo một con chim để tìm bờ, khi họ đi tàu ra biển. Khi chiếc tàu ra xa, không thấy bờ, họ thả con chim đi tìm bờ. Con chim bay về hướng Đông, bay về hướng Tây, bay về hướng Bắc, bay về hướng Nam, bay về hướng trên, bay về hướng gió. Nếu nó thấy bờ xung quanh, nó liền bay luôn; nếu nó không thấy bờ xung quanh, nó bay trở lại tàu. Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, ông đã đi đến gần Ta.

Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya có một cây bàng chúa tên là Suppatittha, cây này có năm cành, có bóng mát dịu, rất là khả ý. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha tỏa rộng ra đến mười hai do-tuần, các rễ mọc lan rộng đến năm do-tuần. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha có những trái cây to lớn, lớn như những cái nôi con, những trái cây ngọt lịm như vậy trong sáng và ngọt như mật ong. Này Bà-la-môn Dhammika, vua với các cung nữ hưởng thụ một cành cây của cây bàng chúa Suppatittha; quân đội hưởng thụ một cành; các dân chúng và quốc độ hưởng thụ một cành; các Sa-môn, Bà-la-môn hưởng thụ một cành; các loài thú, loài chim hưởng thụ một cành. Này Bà-la-môn Dhammika, không có ai phòng hộ các trái của cây bàng chúa Suppatittha, và không có ai hại nhau vì trái cây. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, một người sau khi đã ăn hết cho đến thỏa thích những trái của cây bàng chúa Suppatittha, liền bẻ gãy một cành rồi bỏ đi.

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha suy nghĩ như sau: “Thật kỳ lạ thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Con người lại ác cho đến như vậy. Sau khi ăn cho đến thỏa thích các trái của cây bàng chúa Suppatittha, lại bẻ một cành rồi bỏ đi. Vậy cây bàng chúa Suppatittha hãy đừng sanh trái nữa trong tương lai.” Rồi này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa trong tương lai.

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, thưa với Thiên chủ Sakka: “Tôn giả có biết không, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa!” Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to gió lớn khởi lên, làm cây bàng chúa Suppatittha ngã xuống và bật gốc rễ. Này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên.

Này Bà-la-môn Dhammika, rồi Thiên chủ Sakka đi đến vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha; sau khi đến, nói với vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha như sau:

“Vì sao, này vị thiên kia, ông lại khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên?”

“Thưa Tôn giả, có cơn mưa to, gió lớn khởi lên, làm cho chỗ trú xứ của con bị ngã xuống và bật gốc rễ lên.”

“Này vị thiên kia, có phải ông đang gìn giữ cây pháp (*rukkhadhamma*), nhưng cơn mưa to lớn ấy nổi lên làm trú xứ của ông bị ngã xuống và bật gốc rễ lên?”

“Làm thế nào, thưa Tôn giả, một cây được gìn giữ như một cây pháp?”

“Ở đây, này vị thiên kia, những người cần rễ đến lấy rễ cây đi, những người cần vỏ đến lấy vỏ cây đi, những người cần lá đến lấy lá đi, những người cần bông đến lấy bông đi, những người cần trái đến lấy trái đi; như vậy, không có gì để khiến cho một vị thiên phải không hoan hỷ, không vui vẻ. Như vậy là một cây được gìn giữ như một cây pháp.”

“Thưa Tôn giả, con không gìn giữ một cây pháp, khi cơn mưa to lớn ấy nổi lên, làm chỗ trú xứ của con ngã xuống và bật gốc rễ lên.”

“Này vị thiên kia, nếu ông gìn giữ cây pháp, thời trú xứ của ông sẽ trở lại như xưa.”

“Thưa Tôn giả, con sẽ gìn giữ cây pháp, mong rằng trú xứ của con trở lại như xưa.”

Rồi Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to, gió lớn đến dừng đứng lại cây bàng chúa và chữa lành những rễ cây.

Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, ông có gìn giữ Sa-môn pháp khi các người cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời ông đi khỏi bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng không?

– Như thế nào, thưa Tôn giả, là một Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp?

– Như thế này, này Bà-la-môn Dhammika, ở đây, một Sa-môn không có mắng nhiếc lại người đã mắng nhiếc mình, không có tức giận người đã tức giận mình, không có quở trách⁷⁹ người đã quở trách mình. Như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, là vị Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp.

– Thưa Tôn giả, con không gìn giữ Sa-môn pháp khi những người cư sĩ ở tại chỗ sanh trưởng mời con đi khỏi hoàn toàn bảy trú xứ trong chỗ được sanh trưởng.

– Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có một ngoại đạo sư tên là Sunetta (Diệu Nhân) đã viễn ly các dục. Này Bà-la-môn Dhammika, ngoại đạo sư Sunetta có hàng trăm đệ tử. Ngoại đạo sư Sunetta thuyết pháp về cộng trú tại Phạm thiên giới cho các đệ tử. Những ai nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, này Bà-la-môn Dhammika, tâm không được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ,

⁷⁹ *Paṭibhaṇḍati*. Xem A. II. 215.

địa ngục. Còn những ai, này Bà-la-môn Dhammika, nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, tâm được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có ngoại đạo sư tên là Mūgapakkha... có ngoại đạo sư tên là Aranemi... có ngoại đạo sư tên là Kuddālaka... có ngoại đạo sư tên là Hatthipāla... có ngoại đạo sư tên là Jotipāla đã viên ly các dục... được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viên ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uesthi, maddhi, quở trách, như vậy có sanh khởi ra nhiều vô phước không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Thật vậy, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viên ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uesthi, maddhi, quở trách, có sanh khởi ra nhiều vô phước. Còn ai, đối với vị đầy đủ chánh kiến, với tâm uesthi, maddhi, quở trách, như vậy sanh khởi ra nhiều vô phước hơn nữa. Vì có sao? Ta tuyên bố rằng, này Bà-la-môn Dhammika, sự tổn hại đối với các ngoại đạo sư như vậy không bằng sự tổn hại nếu đối xử với các vị đồng Phạm hạnh. Do vậy, này Bà-la-môn Dhammika, cần phải học tập như sau:

“Chúng tôi sẽ không có tâm uesthi đối với vị đồng Phạm hạnh.” Này Bà-la-môn Dhammika, các ông cần phải học tập như vậy.

Các vị Bà-la-môn,
Như Sư Sunetta,
Sư Mūgapakkha,
Và Aranemi,
Sư Kuddālaka,
Và Hatthipāla,
Sư Jotipāla,
Và Sư Govinda,
Là Quốc sư thứ bảy.
Sáu sư bạn vị này,
Là những vị danh tiếng,
Quá khứ không hại ai,
Thoát hôi hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,
Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
Và các hàng đệ tử,
Con số lên hàng trăm,
Thoát hôi hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,

Thoát ly tham ái dục,
 Đạt được Phạm thiên giới.
 Ân sĩ ngoại đạo ấy,
 Ly tham, tâm thiền định,
 Nếu với tâm uế nhiễm,
 Có ai mắng nhiếc họ,
 Người như vậy tạo ra,
 Rất nhiều sự vô phước.
 Đối một đệ tử Phật,
 Tỷ-kheo có chánh kiến,
 Nếu với tâm uế nhiễm,
 Có ai mắng vị ấy,
 Người như vậy tạo ra,
 Nhiều vô phước hơn nữa.
 Chớ phật lòng bậc thiện,
 Hãy từ bỏ kiến xứ,⁸⁰
 Tối thượng trong Thánh chúng,
 Vị ấy được gọi vậy.
 Ai chưa ly các dục,⁸¹
 Năm căn còn mềm dịu,⁸²
 Tín, niệm và tinh tấn,
 Với chỉ và với quán,
 Nếu phật ý vị ấy,
 Trước hết tự hại mình,
 Sau khi tự hại mình,
 Lại hại đến người khác.
 Ai tự bảo vệ mình,
 Bề ngoài cũng bảo vệ,⁸³
 Do vậy bảo vệ mình,
 Bậc trí không tổn hại.

⁸⁰ Chỉ cho bậc A-la-hán.

⁸¹ Chỉ cho bậc Bất Lai.

⁸² A. II. 151, chỉ cho bậc Nhất Lai.

⁸³ A. III. 373: *Akkhato*. AA. III. 388: *Akkhatoti guṇakhaṇanena akkhato anupahato hutvā* (“Không tổn hại” nghĩa là không bị phá hoại, không bị chỉ trích do sự soi mói về đức hạnh).